

Les adjectifs en vietnamien

Les adjectifs de base en vietnamien

lourd	nặng
léger	nhẹ
correct	chính xác
faux	sai
difficile	khó
facile	dễ
peu	ít
beaucoup	nhiều
nouveau	mới
vieux (objet)	cũ
lent	chậm
rapide	nhanh
pauvre	nghèo
riche	giàu



www.flashcardo.com/fr/fiches-de-revision-en-vietnamien/

Les couleurs en vietnamien

blanc	màu trắng
noir	màu đen
gris	màu xám
vert	màu xanh lá cây
bleu	màu xanh da trời

rouge	màu đỏ
rose (couleur)	màu hồng
orange (couleur)	màu cam
pourpre	màu tím
jaune	màu vàng
brun (couleur)	màu nâu



www.pinhok.com/fr/apprendre-le-vietnamien/

Les sentiments en vietnamien

bon	tốt
mauvais (mal)	xấu
faible	yếu
fort	khỏe
heureux	hạnh phúc
triste	buồn
sain	khỏe mạnh
malade	bệnh
affamé	đói bụng
assoiffé	khát nước
solitaire	cô đơn
fatigué	mệt mỏi



www.pinhok.com/fr/apprendre-le-vietnamien/

L'espace en vietnamien

court	ngắn
long	dài
petit (généralement)	nhỏ
grand (généralement)	lớn
haut	cao
bas	thấp
raide	dốc
plat	bằng phẳng
peu profond	nông
profond	sâu
étroit	hẹp
large	rộng

Autres adjectifs importants en vietnamien

pas cher	rẻ
cher	đắt
doux	mềm
dur (objet)	cứng
vide	trống rỗng

plein	đầy
sale	bẩn
propre	sạch sẽ
sucré	ngọt
aigre	chua
jeune	trẻ
vieux (personne)	già
froid	lạnh
chaud (agréable)	ấm áp